

**BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN K**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **656** /BVK-VTTBYT
V/v mời báo giá thiết bị y tế

Hà Nội, ngày **28** tháng **02** năm 2025

Kính gửi: Các hãng sản xuất, đơn vị cung cấp hàng hóa tại Việt Nam

Bệnh viện K trân trọng cảm ơn các đơn vị đã hợp tác với Bệnh viện trong thời gian qua.

Bệnh viện K đang xây dựng kế hoạch mua sắm thiết bị y tế bằng hình thức đấu thầu mua sắm trực tiếp. Bệnh viện K kính mời các đơn vị quan tâm, có khả năng cung cấp hàng hóa theo danh mục, số lượng, cấu hình, thông số kỹ thuật chi tiết tại Phụ lục 1 gửi Báo giá và Hợp đồng tương tự về Bệnh viện K để Bệnh viện tổng hợp, lập kế hoạch mua sắm, cụ thể:

- Báo giá lập theo Mẫu báo giá tại Phụ lục 2 đính kèm Công văn này;
- Bảng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật: Chi tiết theo mẫu tại Phụ lục 03 đính kèm theo Công văn này;
- Hợp đồng tương tự cung cấp cho Bệnh viện:
 - + Trường hợp đơn vị báo giá là nhà thầu ký kết hợp đồng tương tự thì cung cấp bản chính hoặc bản chứng thực hoặc bản sao y của đơn vị.
 - + Trường hợp đơn vị báo giá không phải là nhà thầu ký kết hợp đồng tương tự thì cung cấp bản chính hoặc bản chứng thực.

Đề nghị Đơn vị nghiên cứu kỹ Công văn và các hướng dẫn tại Phụ lục 2 đính kèm và tự chịu trách nhiệm về tính xác thực nội dung trong Báo giá và Hợp đồng tương tự cung cấp cho Bệnh viện. Báo giá và Hợp đồng tương tự đề nghị gửi về Bệnh viện K (địa chỉ: Số 30 Cầu Bươu, Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội).

Thời gian nhận tài liệu từ 08h00 đến 17h00 hàng ngày và trước 17h00 ngày **10/03/2025**.

Thông tin chi tiết vui lòng liên hệ: Ông Nguyễn Tuấn Dũng (SĐT: 0366111838, phòng VT-TBYT - Bệnh viện K).

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trang TTĐT Bệnh viện K;
- Lưu: VT, VTTBYT



GIÁM ĐỐC

Lê Văn Quảng



PHỤ LỤC 1

**DANH MỤC, SỐ LƯỢNG, YÊU CẦU CẤU HÌNH, TÍNH NĂNG,
THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA HÀNG HOÁ**

(Kèm theo Công văn số 656 /BVK-VTTBYT ngày 28 tháng 02 năm 2025
của Bệnh viện K)

I. Danh mục, số lượng hàng hoá:

STT	Nội dung	Số lượng	Đơn vị tính
1	Máy mê kèm thở (Máy gây mê)	02	Máy

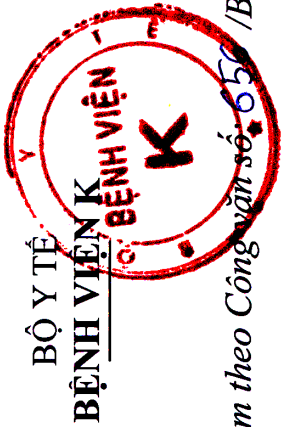
II. Yêu cầu cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật:

A	Yêu cầu chung
	Năm sản xuất máy chính: 2024 trở đi
	Chất lượng máy: Mới 100%
	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO13485 và FDA hoặc CE (hoặc MDR) hoặc tương đương
	Nguồn cung cấp: 220V-240V ~ 50/60Hz
	Môi trường hoạt động:
	- Nhiệt độ tối đa: $\geq 30^{\circ}\text{C}$
	- Độ ẩm tối đa: $\geq 70\%$
B	Yêu cầu cấu hình
	- Máy chính kèm phụ kiện có thể tích hợp:
	+ Dây khí nén: 01 chiếc
	+ Dây oxy: 01 chiếc
	+ Bộ trộn khí điện tử hoặc hiển thị điện tử cho O2 và Air: 01 bộ
	+ Cảm biến dòng chảy sử dụng nhiều lần: 02 chiếc
	+ Bộ hấp thụ CO2 kèm bình vôi soda sử dụng nhiều lần: 01 bộ
	+ Bộ thải khí mê: 01 bộ
	+ Bình bốc hơi: 01 bình
	+ Bộ cung cấp khí oxy phụ trợ tích hợp trong máy: 01 bộ
	+ Khối đo khí mê tích hợp trong thân máy: 01 chiếc
	+ Xe đẩy: 01 chiếc
	- Phụ kiện có thể sử dụng từ nhà sản xuất khác:
	+ Mặt nạ người lớn sử dụng nhiều lần: 01 chiếc
	+ Dây gây mê người lớn, sử dụng nhiều lần: 01 chiếc
	+ Bóng bóp người lớn: 01 chiếc
C	Yêu cầu kỹ thuật
	* Tính năng chung
	Máy chính
	Sử dụng công nghệ bóng xếp, turbine hoặc hệ thống phản hồi khí (volume

reflector) hoặc tương đương
Phải sử dụng được cho bệnh nhân: sơ sinh, trẻ em, người lớn
Có phần mềm giúp trực quan khi thực hiện gây mê dòng thấp, phải xác định được lưu lượng Oxy tối thiểu
Có thể huy động phế nang bằng phần mềm hoặc bóp bóng bằng tay
Máy sử dụng bộ trộn khí Air và O ₂
Máy gây mê được với lưu lượng thấp tối thiểu ≤ 0.2 L/phút
Van giới hạn áp lực điều chỉnh trong dải: từ ≤ 7 tới ≥ 70 cmH ₂ O
Tổng thể tích hệ thống thở, bao gồm cả bình hấp thụ CO ₂ và bóng bóp:
+ Chế độ thở máy: ≤ 5.3 L
+ Chế độ bóp bóng: ≤ 2.6 L
Phải có đèn chiếu sáng bề mặt làm việc
Màn hình:
- Màn hình màu cảm ứng kích thước ≥ 15 inch
- Hiển thị ≥ 3 đồ thị dạng sóng trên màn hình
- Các đồ thị dạng sóng có thể lựa chọn tối thiểu: Áp lực (Paw), lưu lượng (flow), khí mê và CO ₂
Có thể điều chỉnh độ sáng màn hình với nhiều mức độ khác nhau
Phần gây mê
Cảm biến lưu lượng có thể hấp tiết trùng được
Có van giới hạn áp lực
Có bộ thải khí mê thừa
Có hệ thống cung cấp khí oxy phụ trợ
Phần thở
Có chức năng cấp O ₂ nhanh lên tới ≥ 25 L/phút
Có chức năng bù rò khí hệ thống hoặc bù độ giãn nở hoặc tương đương
Máy có thể chuyển sang chế độ chờ (Standby).
Dải lưu lượng khí sạch: từ ≤ 0.2 L/phút đến ≥ 15 L/phút
Hệ thống hấp thụ CO ₂ : Bình hấp thụ CO ₂ có sức chứa ≥ 1.2 kg hoặc ≥ 1.2 L
Bình bốc hơi:
- Bình bốc hơi có: ≥ 02 vị trí lắp bình bốc hơi
- Dải lưu lượng: từ ≤ 0.2 lít/phút tới ≥ 15 lít /phút
- Tổng dung tích thuốc mê: ≥ 250 ml
Ắc quy dự phòng:
Thời gian hoạt động: ≥ 90 phút.
Loại ắc quy: có thể sạc lại
Xe đẩy:
Có bánh xe và khóa hãm
Bộ cung cấp khí oxy phụ trợ
Có hệ thống cung cấp khí Oxy phụ trợ tích hợp trong thân máy có dải điều chỉnh: từ ≤ 2 tới ≥ 10 L/phút.
Các chế độ thở:
Chế độ kiểm soát thể tích có tính năng bù thể tích khí lưu thông hoặc tương đương
Chế độ kiểm soát áp lực hoặc tương đương
Chế độ kiểm soát áp lực, đảm bảo thể tích hoặc tương đương
Chế độ thở cưỡng bức ngắt quãng đồng bộ SIMV kiểm soát thể tích hoặc tương đương

	Chế độ thở cưỡng bức ngắt quãng đồng bộ SIMV kiểm soát áp lực hoặc tương đương
	Chế độ thở hỗ trợ áp lực PSV với dự phòng ngừng thở hoặc tương đương
	Các thông số thở:
	Thể tích khí lưu thông Vt: từ ≤ 20 tới $\geq 1500\text{mL}$
	Dải thông khí phút: từ ≤ 0.1 tới ≥ 40 L/phút
	Mức lưu lượng đỉnh ≥ 120 L/phút
	Dải áp lực hít vào: từ ≤ 6 tới ≥ 60 cmH ₂ O
	Dải giới hạn áp lực: từ ≤ 15 tới ≥ 80 cmH ₂ O
	PEEP: Từ ≤ 4 tới ≥ 20 cmH ₂ O
	Dải áp lực hỗ trợ: từ ≤ 6 tới ≥ 40 cmH ₂ O
	Tần số thở: Từ ≤ 4 đến ≥ 100 nhịp/phút đối với chế độ kiểm soát thể tích và kiểm soát áp lực
	Tần số thở: Từ ≤ 4 tới ≥ 60 nhịp/phút đối với chế độ SIMV
	Tỷ lệ I:E: từ $\leq 1:4$ tới $\geq 2:1$
	Thời gian hít vào: từ ≤ 0.5 tới ≥ 5 giây
	Độ nhạy trigger dòng: từ ≤ 0.3 tới ≥ 10 L/phút
	Ngưỡng ngắt kỳ thở vào: từ ≤ 10 tới $\geq 70\%$
	Thời gian ngưng kỳ thở vào: từ ≤ 10 tới $\geq 50\%$
	Các thông số theo dõi:
	Thông khí phút MV: ≤ 0.5 tới ≥ 40 L/phút
	Thể tích khí lưu thông: ≤ 5 tới ≥ 2500 ml
	Áp lực: từ ≤ -10 tới ≥ 100 cmH ₂ O
	Chức năng cảnh báo an toàn
	Thể tích thông khí: Thấp hoặc Cao
	Thông khí phút: Thấp/Cao
	Báo động ngừng thở
	Áp lực: Thấp hoặc Cao
	Nồng độ % FiO ₂ : Thấp/Cao
	Khối đo khí mê
	Tích hợp khối đo khí mê, đo nồng độ khí mê (Anesthetic Agent) và các loại khí: CO ₂ (EtCO ₂ , FiCO ₂); O ₂ (EtO ₂ , FiO ₂); N ₂ O.
	Khí CO₂
	Theo dõi EtCO ₂ và FiCO ₂
	Dải đo: từ ≤ 0 tới $\geq 10\%$
	Loại cảm biến: cảm biến hồng ngoại
	Thay đổi được cảnh báo cao/thấp EtCO ₂ và FiCO ₂ cao
	Khí O₂
	Cảm biến O ₂ sử dụng công nghệ thuận từ
	Theo dõi nồng độ EtO ₂
	Nồng độ FiO ₂
	Dải đo: từ 0 tới $\geq 100\%$
	Điều chỉnh được giới hạn cảnh báo cao-thấp FiO ₂
	N₂O
	Có theo dõi nồng độ N ₂ O
	Dải đo: từ 0 tới $\geq 100\%$
	Thuốc mê(AA)

	Dải đo Isoflurane và Halothane và Enflurane : từ ≤ 0.1 tới $\geq 5\%$
	Dải đo Sevoflurane: từ ≤ 0.1 tới $\geq 5\%$
	Dải đo Desflurane: từ ≤ 0.1 tới $\geq 15\%$
	Hiển thị được thông số MAC
	Phát hiện được hỗn hợp khí
	Điều chỉnh được giới hạn cảnh báo cao-thấp FiAA
	Ngưỡng xác định: $\leq 0.3\text{ vol\%}$
D	Các yêu cầu khác
	- Thời hạn bảo hành: ≥ 12 tháng kể từ ngày bàn giao, nghiệm thu thiết bị
	- Lắp đặt, chạy thử thiết bị tại cơ sở sử dụng máy
	- Cam kết hướng dẫn người sử dụng vận hành thiết bị đến khi thành thạo
	- Cung cấp đầy đủ tài liệu hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt và tiếng Anh
	- Cam kết cung cấp phụ tùng thay thế, vật liệu tiêu hao tối thiểu 5 năm sau khi hết thời gian bảo hành



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC 2
MẪU BÁO GIÁ
(Kèm theo Công văn số 656 /BVK-VTTBYT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bệnh viện K)
BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá theo Công văn số /BVK-VTTBYT ngày của [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; số điện thoại người liên hệ; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các trang thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các trang thiết bị y tế và dịch vụ liên quan:

STT	Danh mục trang thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Đơn vị tính (7)	Số lượng (Theo PL 1)	Đơn giá đã bao gồm VAT ⁽⁸⁾ (VNĐ)	Mức thuế GTGT (VAT) (10)	Hợp đồng tương tự				Đơn giá (có VAT, VNĐ)
										Số hợp đồng	Hiệu lực hợp đồng	Cơ sở y tế ký kết hợp đồng	Số lượng trong hợp đồng	
1														
2														
n	...													

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi ngày tháng năm kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I – Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.



....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

Hướng dẫn cung cấp hợp đồng tương tự:

1. Hợp đồng cung cấp là hợp đồng trúng thầu thông qua hình thức đấu thầu rộng rãi và có hiệu lực hợp đồng bắt đầu từ ngày 01/3/2024 trở về sau.
2. Trong trường hợp công ty báo giá không phải là nhà thầu ký kết hợp đồng tương tự thì nhà thầu ký kết hợp đồng phải có giấy uỷ quyền cho công ty báo giá tham gia thực hiện gói thầu này.
3. “Số lượng trong hợp đồng tương tự”: Tối thiểu bằng 77% số lượng theo Phụ lục 1 đính kèm.

Ghi chú:

1. Giá đã bao gồm thuế VAT, phí vận chuyển và các loại phí, lệ phí khác.
2. Báo giá phải có hiệu lực tối thiểu 06 tháng kể từ ngày ký.
3. Đề nghị Quý công ty làm bảng báo giá theo đúng mẫu Bệnh viện đã gửi, không thêm bớt các cột để thuận tiện cho Bệnh viện tổng hợp.



BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN K

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



PHỤ LỤC 3
MAU BANG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU KỸ THUẬT

(Kèm theo Công văn số: 036 /BVK-VTTBYT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bệnh viện K)

★ BẢNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU KỸ THUẬT

(Kèm theo báo giá số ngày..... của [ghi rõ tên của đơn vị báo giá])

[Tên hạng mục, chủng loại hàng hóa báo giá]

STT	Yêu cầu cấu hình, tính năng và thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật ⁽²⁾	Tài liệu tham chiếu ⁽³⁾	Ghi chú ⁽⁴⁾
1				
2				
...				
n				

Ghi chú:

- (1) Yêu cầu kỹ thuật của Chủ đầu tư theo nội dung của Phụ lục 2: Yêu cầu cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật của hàng hóa.
(2) Thông số kỹ thuật đáp ứng của hàng hóa để xuất bằng Tiếng Việt.
(3) Dẫn chiếu tài liệu kỹ thuật của hãng sản xuất, đơn vị ghi rõ số trang, tên tài liệu kỹ thuật và trích dẫn nội dung thể hiện trong tài liệu kỹ thuật bằng Tiếng Anh hoặc Tiếng Việt.
(4) Nội dung cần lưu ý khác (nếu có).